

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T

Số:16/2021/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

B, ngày 29 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HOÀ GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số: 39/2021/TLST- DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc” Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án” giữa những người yêu cầu:

1. Bà Trần Thị Thu H - sinh năm 1968

Trú quán: SN 08 đường Đào Duy Từ, khu phố 2, phường Ba Đình, thị xã B, tỉnh T.

2. Bà Lê Thị D - sinh năm 1980

Trú quán: SN 197 Nguyễn Văn Cừ, khu phố 14, phường N, thị xã B, tỉnh T.

NỘI DUNG HOÀ GIẢI THÀNH

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T theo quy định tại Điều 27 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án:

- Về số tiền vay: Hai bên thỏa thuận tính đến ngày 13/7/2021 bà Lê Thị D còn nợ bà Trần Thị Thu H số tiền 38.000.000đ (Ba tám triệu đồng) tiền gốc, bà H không tính lãi suất và không yêu cầu bà D phải trả lãi của khoản nợ trên.

- Bà Lê Thị D phải có trách nhiệm thanh toán(trả nợ) cho bà Trần Thị Thu H số tiền 38.000.000đ(Ba tám triệu đồng).

- Lộ trình thanh toán nợ cụ thể: Vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng bà D trả cho bà H 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/ tháng). Thời gian trả nợ, kể từ tháng 08/2021 trở đi cho đến khi thanh toán(trả nợ) hết số tiền nêu trên.

- Về lệ phí: Bà Lê Thị D phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) lệ phí DSST

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35, 36 Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13/7/2021;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án giữa những người yêu cầu:

- Bà Trần Thị Thu H - sinh năm 1968

Trú quán: SN 08 đường Đào Duy Từ, khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh T.

- Bà Lê Thị D - sinh năm 1980

Trú quán: SN 197 Nguyễn Văn Cừ, khu phố 14, phường N, thị xã B, tỉnh T.

2. Nội dung thỏa thuận của các bên cụ thể như sau:

- Về số tiền vay: Hai bên thỏa thuận tính đến ngày 13/7/2021 bà Lê Thị D còn nợ bà Trần Thị Thu H số tiền 38.000.000đ (Ba tám triệu đồng) tiền gốc, bà H không tính lãi suất và không yêu cầu bà D phải trả lãi của khoản nợ trên.

- Bà Lê Thị D phải có trách nhiệm thanh toán(trả nợ) cho bà Trần Thị Thu H số tiền 38.000.000đ(Ba tám triệu đồng).

- Lộ trình thanh toán nợ cụ thể: Vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng bà D trả cho bà H 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/ tháng). Thời gian trả nợ, kể từ tháng 08/2021 trở đi cho đến khi thanh toán(trả nợ) hết số tiền nêu trên.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật nếu bà Lê Thị D không thực hiện theo đúng thỏa thuận thì bà Trần Thị Thu H có quyền làm đơn đề nghị Thi hành án thì hàng tháng bà D còn phải chịu thêm khoản lãi suất do Ngân hàng quy định tương ứng với số tiền gốc chậm trả và thời gian chưa thi hành án(theo quy định tại Điều 357/ Bộ luật Dân sự).

3. Về lệ phí: Bà Lê Thị D chịu 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đ bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo biên lai số:AA/2021/0004975 ngày 13/7/2021. Như vậy, bà Lê Thị D đã thi hành xong khoản lệ phí việc dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

6. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

7. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T
- VKSND thị xã B
- Chi cục THADS Thị xã B
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

TỔNG THỊ HÀ

